

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 553/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 800/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 871/2022/QĐST-HNGĐ

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 01, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Hồ Thị Như Y, sinh năm 1997

Nơi ĐKKTT: tổ 01, ấp T, xã K, huyện A, An Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 19, ấp S, xã B, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt; bà Hồ Thị Như Y vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đ và bà Y là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai đồng ý bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2016.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn khiến vợ chồng bất hòa, tranh cãi và bà Y tự ý bỏ đi không đồng ý tiếp tục chung sống mà không nói rõ nguyên nhân. Nhiều lần ông Đ cùng gia đình tìm cách hàn gắn nhưng không được bà Y chấp nhận, hiện nay bà Y đã chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông xin ly hôn với bà Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đ và bà Y có 01 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/09/2015, hiện do bà Y chăm sóc. Sau khi ly hôn ông Đ đồng ý cho bà Y tiếp tục nuôi dạy con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà Y.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà Y theo quy định nhưng bà Y vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú bà Y để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo sổ hộ khẩu số 409 ngày 20/7/2009 do Công an xã K cấp thể hiện bà Hồ Thị Như Y hiện vẫn cư trú tại địa phương chưa có thông tin tách, chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân được ông Nguyễn Văn K cho biết: Ông là cha ruột của ông Đ. Ông Đ và bà Y tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Sau khi kết hôn ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bà Y tự ý bỏ đi mà không nói rõ nguyên nhân. Gia đình nhiều lần tìm cách hàn gắn cho ông bà nhưng bà Y không chấp nhận và ly thân đến khoảng 3 - 4 năm. Nay ông Đ nhận thấy không còn tình cảm dành nên xin ly hôn. Gia đình không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt có đơn; riêng bà Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Đ chung sống với bà Y đến năm 2018 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Y hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông Đ và bà Y tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2016 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông Đ vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà Y. Tại phiên hòa giải ông Đ yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm, bà Y nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2018 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình

hai bên để ông tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Ông Đ cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bất hòa, phát sinh mâu thuẫn rồi bà Y tự ý bỏ đi mà không nói rõ nguyên nhân. Gia đình và ông Đ cũng nhiều lần tìm cách hàn gắn cho ông bà nhưng bà Y không chấp nhận. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn K là cha của ông Đ. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/09/2015, hiện do bà Y chăm sóc. Sau khi ly hôn ông Đ đồng ý cho bà Y tiếp tục nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà Y cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này và ông Đ cũng đồng ý giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức 745.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi theo quy định tại mục 2 phần II Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật hướng dẫn “mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Hồ Thị Như Y.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 08/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Như Y không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị Như Y được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 04/09/2015.

Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng 745.000đ/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện kể từ ngày tuyên án (tháng 12/2022).

Bà Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007859 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông Đ nộp bổ sung 300.000đ.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2022), các đương sự được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân